

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ ĐẠI PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 2
TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN
XÃ ĐẠI PHƯỚC NĂM 2026 (đợt 1)
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2026 của HĐND xã)

ĐVT: triệu đồng

STT	ĐƠN VỊ	NỘI DUNG BỔ SUNG	TỔNG SỐ BỔ SUNG DỰ TOÁN	Nguồn dự toán, kết dư	Nguồn cải cách tiền lương	Nguồn NS thành phố BS có mục tiêu
	TỔNG CỘNG		51.643	5.194	8.437	38.012
I	QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH		10.256	2.466	2.174	5.616
	QLNN		8.188	1.400	1.172	5.616
1	Phòng Kinh tế		935	935		0
		Cải tạo, sửa chữa trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND xã Đại Phước	1.000	1.000		
		Điều chỉnh định mức khoán chi do giảm 01 biên chế	-65	-65		
		Trợ cấp nghỉ việc theo Nghị định 154/2025/NĐ-CP	296		296	
		Chênh lệch lương cơ sở theo 161/2026/NĐ-CP	270		270	
		Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	0			
2	Phòng Văn hóa - Xã hội		3.904	0	396	3.508
		Kinh phí bầu cử Đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp NK 2026-2031	3.508			3.508
		Chênh lệch lương cơ sở theo 161/2026/NĐ-CP	90		90	
		Trợ cấp nghỉ việc theo Nghị định 154/2025/NĐ-CP	279		279	
		Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	27		27	
3	Trung tâm Phục vụ hành chính công		76	-65	141	0
		Trợ cấp nghỉ việc theo Nghị định 154/2025/NĐ-CP	80		80	
		Chênh lệch lương cơ sở theo 161/2026/NĐ-CP	61		61	
		Điều chỉnh định mức khoán chi do giảm 01 biên chế	-65	-65		
4	VP. HĐND và UBND xã		3.273	530	635	2.108
		Đồng phục Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2026-2031	156	156		
		Điều chỉnh định mức khoán chi do tăng 02 biên chế	130	130		
		Sửa chữa nhà ăn tập thể Công an xã Đại Phước	244	244		
		Trợ cấp nghỉ việc theo Nghị định 154/2025/NĐ-CP	122		122	
		Chênh lệch lương cơ sở theo 161/2026/NĐ-CP	490		490	
		Chế độ người hoạt động không chuyên trách tại các ấp	2.108			2.108
		Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	23		23	

STT	ĐƠN VỊ	NỘI DUNG BỔ SUNG	TỔNG SỐ BỔ SUNG DỰ TOÁN	Nguồn dự toán, kết dư	Nguồn cải cách tiền lương	Nguồn NS thành phố BS có mục tiêu
	ĐẢNG, ĐOÀN THỂ		2.068	1.066	1.002	0
1	VP.Đảng ủy		855	180	675	0
		Chỉnh lý tài liệu lưu trữ của Đảng ủy xã	180	180		
		Chênh lệch lương cơ sở theo 161/2026/NĐ-CP	169		169	
		Trợ cấp nghỉ việc theo Nghị định 154/2025/NĐ-CP	469		469	
		Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	37		37	
2	Ủy ban MTTQVN xã		1.213	886	327	0
	BCH xã đoàn	Kinh phí phục vụ hội trại tổng quân năm 2026	414	414		
	Hội LH Phụ nữ	"	172	172		
	Hội Người Cao tuổi	Kinh phí hoạt động	50	50		
	Hội Chữ thập đỏ	Đại hội Chữ thập đỏ	50	50		
	"	Kinh phí hoạt động	50	50		
	Hội nạn nhân chất độc da cam/Dioxin	Đại hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin	50	50		
	"	Kinh phí hoạt động	50	50		
	Hội Khuyến học	Kinh phí hoạt động	50	50		
	UBMTTQ VN xã	Chênh lệch lương cơ sở theo 161/2026/NĐ-CP	85		85	
	"	Trợ cấp nghỉ việc theo Nghị định 154/2025/NĐ-CP	242		242	
II	SN GIÁO DỤC-ĐÀO TẠO		13.654	0	5.335	8.319
1	Trường MN Đại Phước		1.985	0	203	1.782
		Cải tạo, sửa chữa, bảo trì hệ thống PCCC trường mầm non Đại Phước	1.782			1.782
		Chênh lệch lương cơ sở theo 161/2026/NĐ-CP	188		188	
		Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	15		15	
2	Trường MN Phú Đông		1.525	0	243	1.282
		Cải tạo, sửa chữa, bảo trì hệ thống PCCC trường mầm non Phú Đông	1.282			1.282
		Chênh lệch lương cơ sở theo 161/2026/NĐ-CP	223		223	
		Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	20		20	
3	Trường MN Phước Khánh		1.505	0	305	1.200
		Cải tạo, sửa chữa Trường mầm non Phước Khánh	1.200			1.200
		Chênh lệch lương cơ sở theo 161/2026/NĐ-CP	286		286	
		Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	19		19	
4	Trường MN Phú Hữu		435	0	278	157
		Mua sắm bàn ghế mầm non và dụng cụ ngoài trời phục vụ mầm non Phú Hữu	157			157

STT	ĐƠN VỊ	NỘI DUNG BỔ SUNG	TỔNG SỐ BỔ SUNG DỰ TOÁN	Nguồn dự toán, kết dư	Nguồn cải cách tiền lương	Nguồn NS thành phố BS có mục tiêu
		Chênh lệch lương cơ sở theo 161/2026/NĐ-CP	252		252	
		Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	26		26	
5	Trường tiểu học Đại Phước		927	0	725	202
		Mua sắm trang thiết bị thư viện đánh giá thư viện đạt chuẩn cho trường tiểu học Đại Phước	202			202
		Chênh lệch lương cơ sở theo 161/2026/NĐ-CP	692		692	
		Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	33		33	
6	Trường tiểu học Phú Đông		2.748	0	711	2.037
		Cải tạo, sửa chữa, bảo trì hệ thống PCCC trường tiểu học Phú Đông	2.037			2.037
		Chênh lệch lương cơ sở theo 161/2026/NĐ-CP	711		711	
			0		0	
7	Trường tiểu học Phước Khánh		735	0	579	156
		Chênh lệch lương cơ sở theo 161/2026/NĐ-CP	579		579	
		Trợ cấp nghỉ việc Lai Thị Tuyết Nga theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP	156			156
8	Trường tiểu học Phú Hữu		1.235	0	595	640
		Mua sắm trang thiết bị trường tiểu học Phú Hữu	640			640
		Chênh lệch lương cơ sở theo 161/2026/NĐ-CP	571		571	
		Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	24		24	
9	Trường THCS Đại Phước		259	0	259	0
		Chênh lệch lương cơ sở theo 161/2026/NĐ-CP	211		211	
		Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	48		48	
10	Trường THCS Phú Đông		796	0	796	0
		Chênh lệch lương cơ sở theo 161/2026/NĐ-CP	730		730	
		Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	66		66	
11	Trường THCS Phước Khánh		354	0	354	0
		Chênh lệch lương cơ sở theo 161/2026/NĐ-CP	325		325	
		Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	29		29	
12	Trường THCS Dương Văn Thì		287	0	287	0
		Chênh lệch lương cơ sở theo 161/2026/NĐ-CP	267		267	
		Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	20		20	
13	Phòng Văn hóa - Xã hội		863	0	0	863
		Miễn giảm học phí theo NĐ 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025	47			47
		Hỗ trợ cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục theo Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh	483			483

STT	ĐƠN VỊ	NỘI DUNG BỔ SUNG	TỔNG SỐ BỔ SUNG DỰ TOÁN	Nguồn dự toán, kết dư	Nguồn cải cách tiền lương	Nguồn NS thành phố BS có mục tiêu
		Hỗ trợ học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông theo Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh	333			333
III	SỰ NGHIỆP VĂN HÓA		1.270	502	421	347
1	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp		1.270	502	421	347
		Kinh phí quản lý các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ, di tích lịch sử - văn hóa	347			347
		Kinh phí phục vụ hội trại tòng quân	80	80		
		Kinh phí Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục trụ sở Trung tâm DVTH xã	422	422		
		Trợ cấp nghỉ việc theo Nghị định 154/2025/NĐ-CP	376		376	
		Chênh lệch lương cơ sở theo 161/2026/NĐ-CP	24		24	
		Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	21		21	
IV	SỰ NGHIỆP THỂ DỤC THỂ THAO		620	620	0	0
	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp	Tổ chức Đại hội TDTT cấp xã	620	620		
			0			
V	SỰ NGHIỆP KINH TẾ		3.524	824	0	2.700
1	Phòng Kinh tế		3.524	824	0	2.700
-	SN thị chính	HTCS khu A-B và đường Trục chính, ấp Phước Lương, xã Đại Phước	500	500		
		HTCS đường Phan Văn Đáng (đường vào Chợ Phú Hữu), ấp Cát Lái, xã Đại Phước	324	324		
-	SN giao thông	Đề án duy tu, sửa chữa, đảm bảo hạ tầng giao thông	2.700			2.700
VI	ĐẢM BẢO XÃ HỘI		6.898	0	0	6.898
1	Phòng Văn hóa - Xã hội		6.898	0	0	6.898
		Chính sách cho người có công với Cách mạng theo QĐ 250/QĐ-UBND ngày 21/01/2026 (đợt 1)	3.881			3.881
		Chính sách cho người có công với Cách mạng theo QĐ 250/QĐ-UBND ngày 21/01/2026 (đợt 2)	1.401			1.401
		Tiền tết Nguyên đán theo Quyết định số 346/QĐ-UBND	1.168			1.168
		Mai táng phí	400			400
		Kinh phí hỏa táng	48			48
2	Phòng Kinh tế		0			0
			0			
VII	QUỐC PHÒNG -AN NINH		5.268	782	0	4.486

STT	ĐƠN VỊ	NỘI DUNG BỔ SUNG	TỔNG SỐ BỔ SUNG DỰ TOÁN	Nguồn dự toán, kết dư	Nguồn cải cách tiền lương	Nguồn NS thành phố BS có mục tiêu
1	Ban CHQS xã		5.180	694	0	4.486
		Kinh phí phục vụ hội trại tòng quân	274	274		
		Kinh phí hoạt động QBND và huấn luyện SSVĐ, diễn tập, kiểm tra DBĐV	420	420		
		Kinh phí hoạt động Trung đội DQTT KCN Ông kẻo	4.486			4.486
2	VP. HĐND và UBND xã		88	88	0	0
		Kinh phí hỗ trợ phục vụ hội thi nghiệp vụ chữa cháy và cứu nạn cứu hộ "Tổ liên gia an toàn PCCC" năm 2026	88	88		
VIII	SỰ NGHIỆP KHCN		2.494	0	0	2.494
1	Phòng Văn hóa - Xã hội		2.494	0	0	2.494
		Đề án xử lý nghiệp vụ chính lý hồ sơ tài liệu theo QĐ 105/QĐ-UBND ngày 12/5/2026	2.494			2.494
IX	SỰ NGHIỆP Y TẾ, DÂN SỐ		7.659	0	507	7.152
1	Trạm Y tế		7.659	0	507	7.152
		Kinh phí thực hiện chuyển giao Trạm Y tế	6.942			6.942
		Thực hiện chương trình y tế dân số đối với Trạm Y tế xã	210			210
		Chênh lệch lương cơ sở theo 161/2026/NĐ-CP	174		174	
		Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	333		333	